

MẤY Í NGHĨ VỀ CÔNG TÁC PHÂN VÙNG NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

NGUYỄN HỮU QUÁN

Vấn đề phân vùng nông nghiệp được đặt ra từ hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng Lao động Việt-nam, là một vấn đề mấu chốt cần giải quyết để đưa dần nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ phân tán lên sản xuất qui mô lớn, tập trung, có khả năng làm cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển. Đây cũng là một trong những vấn đề đầu tiên cần được giải quyết thỏa đáng khi nước nhà được thống nhất.

Từ mấy năm nay, nhiều cơ quan đã nghiên cứu vấn đề này, và hiện nay Ủy ban Nông nghiệp trung ương đã có những « Đoàn phân vùng, qui hoạch » đi nghiên cứu phương án sản xuất cụ thể cho các vùng chuyên canh và khu kinh tế mới. Nhưng căn cứ khoa học của những phương án này còn yếu, do trong phương pháp nghiên cứu phân vùng, chúng ta chưa làm kĩ một khâu quan trọng (1).

Đề bổ khuyết điểm này, trong nhiệm vụ kế hoạch khoa học kĩ thuật 1972—1973, Hội đồng Chính phủ đã giao cho Ủy ban Nông nghiệp trung ương phối hợp với các ngành « nghiên cứu xây dựng các căn cứ khoa học của những chủ trương về phân vùng nông nghiệp, lâm nghiệp, qui hoạch sử dụng trung du, miền núi, xây dựng những khu kinh tế mới ».

Đây là một vấn đề lớn, cần có sự tham gia của các viện, các trường đại học nông nghiệp, lâm nghiệp, các cơ quan kinh tế, kế hoạch ở trung ương và địa phương. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ xin nêu một vài ý nghĩ về cách giải quyết vấn đề nói trên trong điều kiện khá phức tạp và khó khăn của nước ta.

Những suy nghĩ này tập trung vào bốn điểm, và cũng là bốn bước công tác phải qua

trong việc nghiên cứu phân vùng nông nghiệp, lâm nghiệp :

I. Nhận định về những đặc điểm chung của khí hậu, đất đai nước ta là những yếu tố chi phối việc phân vùng và định phương hướng sản xuất.

II. Căn cứ trên nhu cầu thực tế và đặc điểm khả năng của đất nước, suy nghĩ về cách giải quyết tốt nhất các vấn đề ăn, mặc, xuất khẩu của nước ta trong tương lai, và từ đó xác định những đối tượng cây trồng, cây rừng, vật nuôi... cần nghiên cứu phân vùng cụ thể.

III. Định vùng thích hợp và không thích hợp đối với từng đối tượng trồng cây, con theo các chỉ tiêu về khí hậu, đất đai và yêu cầu kinh tế.

IV. Phân vùng nông nghiệp, lâm nghiệp tổng hợp sau khi đã làm các việc trên.

I. NHẬN ĐỊNH VỀ MẤY ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Đặc điểm khí hậu :

Vận dụng những tiêu chuẩn về khí hậu nhiệt đới, về mặt nông nghiệp, lâm nghiệp nước ta

(1) Phương án phân vùng cây trồng và gia súc của Bungari năm 1957 :

« Việc tiến hành phân vùng và phân bố sản xuất nông nghiệp phải bắt đầu từ việc phân tích các điều kiện tự nhiên. Nhiệm vụ của việc phân tích này là xác định những vùng thích hợp nhất đối với mỗi loại cây trồng, căn cứ trên yêu cầu sinh lí và kĩ thuật canh tác. Đó là cơ sở cần thiết cho việc làm của các nhà kinh tế khi tiến hành phân bố các cây trồng nông nghiệp ».

đại thể có thể chia ra ba vùng lớn như sau :

a) Phần lớn miền Bắc nước ta có thể phân bố cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp theo phương hướng tương tự như các vùng ven biển Quảng-đông, Quảng-tây, Nam Vân-nam, Đài-loan, mà Trung-quốc gọi là khí hậu nửa nhiệt đới (với tích ôn 6 500 — 8 000°C, nóng nhất 28 — 29°C), tức là :

— Đối với cây hằng năm : làm được hai vụ lúa ổn định, trồng được ngô, đỗ tương, mía, thuốc lá... mùa đông có thể làm thêm những cây chịu rét như lúa mì, mạch ba góc, khoai tây. Nhưng trong điều kiện mùa đông lạnh ngắt và không ổn định, lại thường có độ ẩm cao, phải rất chú ý giải quyết đúng đắn các vấn đề thời vụ, nấm bệnh ngoài đồng và trong kho...; cải dầu, tử vân anh, điều tử... có thể trồng làm cây phân xanh, thức ăn gia súc, nhưng khó để hạt giống.

— Đối với cây lâu năm : phát triển được những đặc sản như chuối, dứa, đu đủ, trầu (Aleurites montana), vải, nhãn... là những cây không phát triển được ở khí hậu á nhiệt đới. Chỉ nên phát triển cao su, cà phê, hồ tiêu... trong điều kiện đặc biệt : đất tốt, có giống và biện pháp kỹ thuật chống được gió rét. Chè, cam, quýt, chanh... có thể phát triển trong những điều kiện (theo chỉ tiêu sinh thái phân vùng) để bảo đảm năng suất và chất lượng cao. Cây rừng có thể phát triển tre, thông hai lá (Pinus merkusii), long não, quế, cây thả cánh kiến đỏ...

b) Một số khu vực ở Đông-bắc và miền núi Bắc-bộ (1) có thể phân bố cây trồng tương tự như các vùng phía bắc vùng đồi Quảng-đông, Quảng-tây, cao nguyên Vân-nam, Quý-châu mà Trung-quốc liệt vào khí hậu á nhiệt đới (với tích ôn hằng năm 5 000—6 500°C, nhiệt độ trung bình hằng năm 15—20°C, tháng rét nhất bình quân 4—6°C, nóng nhất 26—29°C), tức là :

— Cây hằng năm : làm được một vụ ổn định và một vụ đông (mì, mạch, khoai tây; khoai lang trồng vụ đông năng suất rất thấp).

— Cây lâu năm : chè, sô, gié và đào lông ở vùng cao (táo tây là đặc sản vùng ôn đới, ở đây có thể cho quả nhưng chất lượng kém). Cây dầu đồng — trầu Trung-quốc (Aleurites Fordii), cây sô Trung-quốc giống quả to, cây sa mu, cây thông đuôi ngựa (Pinus massoniana) thích hợp ở những khu vực này, và không thích hợp ở những nơi ôn độ bình quân mỗi ngày thường lên quá 25°C, với số ngày nóng trên 25°C hơn 130 ngày mỗi năm.

c) Thuộc phạm vi khí hậu nhiệt đới tiêu chuẩn là các tỉnh từ Hà-tĩnh trở vào miền

Nam, trừ những vùng cao nguyên và núi cao. Ở những khu vực này nên phát triển những cây nhiệt đới điển hình : dừa, cao su, hồ tiêu...; lúa có thể làm một năm 2—3 vụ; mía, sắn càng vào Nam càng dễ phát triển vì ít gió bão hơn và không bị mùa đông lạnh làm ngừng sinh trưởng.

Bên cạnh các yếu tố nhiệt độ, cũng cần tính đến các yếu tố ánh sáng, gió, mưa, ẩm. Trong một bản đồ án về phát triển cây công nghiệp, đồng chí Vũ Công Hậu (Viện phó Viện công nghiệp) có nhận định :

« — Miền Bắc có chế độ ngày ngắn, mùa hè chỉ xấp xỉ 13 giờ chiếu sáng mỗi ngày; những cây điển hình ôn đới như cây lanh lấy sợi nói chung quen chế độ ngày dài, trồng ở ta năng suất thấp, ít giá trị kinh tế. Mùa xuân ở miền Bắc (nhất là đồng bằng Bắc-bộ), trời hay âm u, cây kết quả mùa này năng suất không cao (đỗ tương đông, đại mạch...), cần điều chỉnh thời vụ để lúc ra hoa quả và thu hoạch không trùng vào tháng 3—4 dương lịch, là những tháng ít ánh sáng.

« — Ở nước ta mưa nhiều, nhưng phân phối không đều; độ ẩm không khí thường xuyên cao, trừ vài vùng xa biển như Tây-bắc; do đó thích hợp cho những cây chịu ẩm, sản xuất trong thời gian ngắn một khối lượng lớn chất hữu cơ, như cói ở đất bằng ven biển, đay ở đất bãi, chè ở đất đồi... Xoài không ưa độ ẩm cao, trồng ở miền Bắc không thật thích hợp bằng ở những vùng có mùa khô kéo dài như ở miền Nam, trừ vài vùng lòng chảo có mùa hè nóng khô như Yên-châu (Sơn-la).

« — Miền Bắc thường có gió bão, nên chọn những cây chống chịu gió bão như dứa, chè... là những cây tầm thấp, ít đổ. Chuối, mía, cam, bưởi, sắn... cần phân bố ở những vùng ít gió bão, chọn giống và có biện pháp chống đổ, chống rụng ».

Nước ta lại có địa hình phức tạp, nhiều khu vực tiêu khí hậu, nhiều vùng đồi núi chưa có số liệu quan trắc khí hậu lâu năm. Trong một bản tham luận ở hội nghị sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp ở Lake Success, De Fine và Garbôpxki có dựa vào đặc điểm sinh thái học, nêu lên 18 cây điển hình giúp cho việc phân bố cây trồng theo điều kiện khí hậu, gồm có :

12 cây lâu năm, xếp theo thứ tự từ cây yếu chịu rét nhất đến cây mạnh chịu rét nhất, là :

(1) Bao gồm : Lạng-sơn, Thất-khê, Trùng-khánh (Cao-bằng), Phó-bằng (Hà-giang), Bắc-hòa, Sa-pa (Lào-cai), Mộc-châu, Nà-sơn (Sơn-la), Sinh-hồ (Lai-châu), Thanh-uyên (Nghĩa-lộ).

— Ca cao, dừa, chuối, chanh (ưa hoặc chịu được khí hậu ẩm, nhiều mây),

— Chà là, ô-liu, vắ, nho (ưa khí hậu khô và trong sáng, như khí hậu Địa-trung-hải),

— Giẻ, đào, lê, táo (trung gian giữa hai nhóm trên về mặt chịu khí hậu ẩm và mây mù).

6 cây hằng năm, từ cây cần nhiều nhiệt lượng nhất đến cây cần ít độ nóng nhất, là: bông luồi, dưa bở, ngô, lúa mì, yến mạch, đại mạch.

Điều tra kinh nghiệm lâu năm của nhân dân địa phương, có thể biết loại cây này hay cây kia có thể trồng ở đây được hay không, năng suất và chất lượng sản phẩm thế nào, từ đó phán đoán điều kiện thổ nhĩ và nghiên cứu phạm vi phát triển sản xuất.

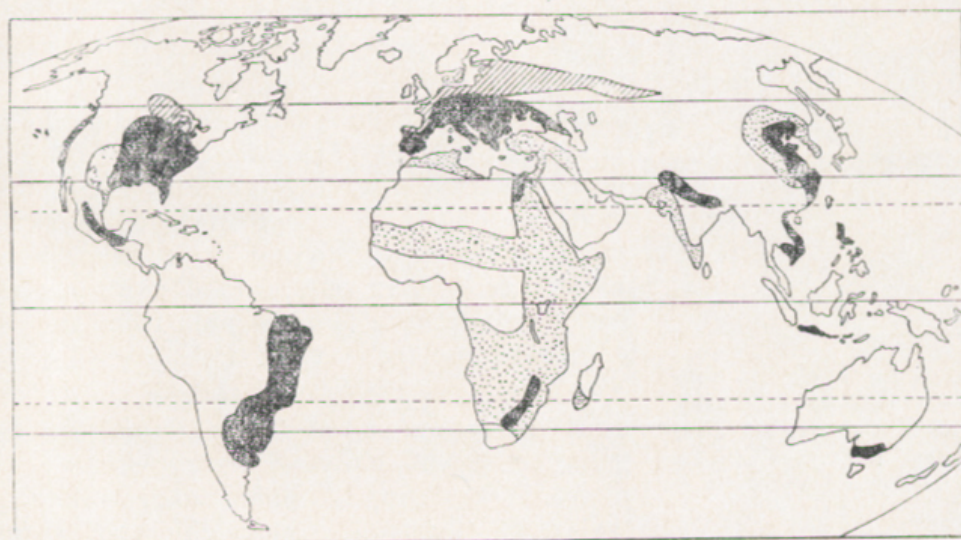
Nhìn chung, khí hậu nước ta có nhiều nét

độc đáo, nhưng không thể suy diễn rằng. chúng ta có điều kiện phát triển mọi thứ cây trồng và súc vật từ nhiệt đới đến ôn đới, với năng suất và chất lượng cao.

Khí hậu nước ta vẫn ở trong một phạm vi qui luật nhất định; ba bản đồ phau vùng cây trồng trên thế giới kèm theo đây, trích trong quyển « Khí hậu và nông nghiệp » (Les Climats et l'Agriculture) của Guy Euveste, tuy mới cho những chỉ dẫn sơ lược, cũng nói lên điều đó.

Đứng về quan điểm sinh thái thực vật, giáo sư người Hungari Tameo Pócs sau khi nghiên cứu trên 5 000 loài thực vật ở miền Bắc nước ta, trong đó có 155 loài cây trồng, cũng đã kết luận hai điểm:

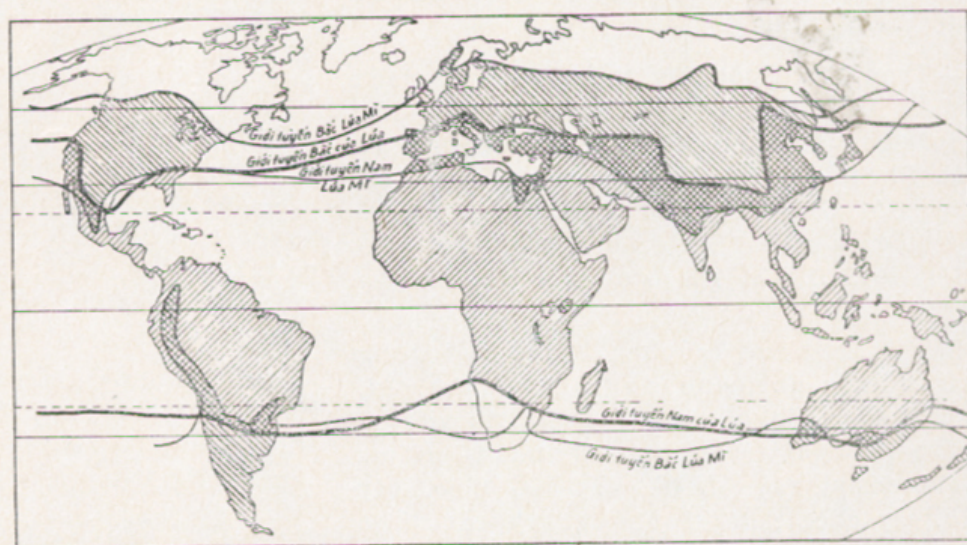
— Thực vật ở miền Bắc nước ta, được nghiên cứu phân tích biểu hiện rõ nét của thực vật nhiệt đới. Gần một nửa số loài



Vùng
lúa mì đen
(Sorgho)

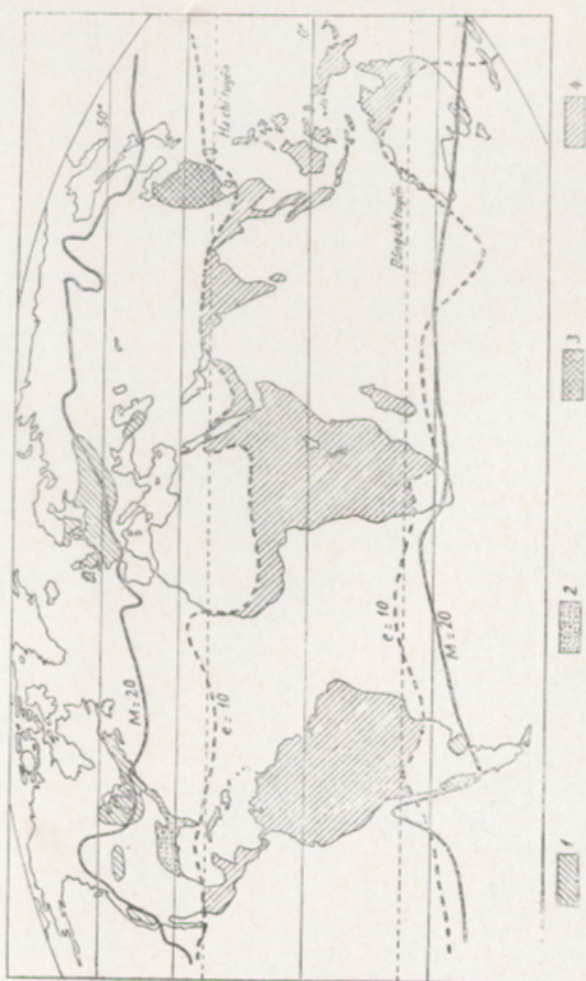
Vùng lúa mì,
các giống
(Sorgho)

Vùng ngô



Vùng lúa mì

Vùng lúa gạo



1— Vùng trồng khoai tây nhiều bột nhất. 2— Vùng trồng khoai lang ở Hoa-kì. 3— Vùng trồng khoai lang, khoai sọ, khoai mài ở Trung-quốc. 4— Vùng trồng sắn (có trồng khoai lang, khoai sọ, khoai mài). Sắn tốt nhất ở những vùng mưa trên 500 mm một năm.

thuộc về nhóm cây gỗ lâu năm, các loại cây cao, cây phụ sinh và dây leo chiếm một tỉ lệ quan trọng.

— Trong 155 loài cây trồng được nghiên cứu, có 18 loài nguồn gốc ở châu Á nhiệt đới, 25 loài gốc ở Ấn-độ, 10 loài gốc ở châu Á và châu Phi nhiệt đới, 38 loài gốc ở châu Mĩ nhiệt đới, 5 loài ở châu Phi nhiệt đới, 23 loài gốc ở miền Đông châu Á ôn đới và á nhiệt đới, 12 loài gốc ở châu Á và châu Âu ôn đới.

Bản thân nước ta cũng thuộc một trong 11 trung tâm phát sinh cây trồng của thế giới, có một số cây nguồn gốc lâu đời, từ xưa đã có tập quán gây trồng, như cây dọc (*Garcinia Tonkinensis*), cây bồ đề, cây đậu mèo, cây trâu, cây chè...; đó là những cây cần được nghiên cứu phát triển.

Về mặt sinh thái động vật, vì nước ta nói

chung là xứ nóng, nên các giống vật và chim nuôi nói chung là thấp, nhỏ, dễ thích ứng với điều kiện khí hậu. Bò giống châu Âu, lợn ngoại... đều ít chịu nóng và tăng nhịp thở và nhịp tim khi nhiệt độ lên cao. Gà, tằm đều ít chịu nhiệt độ cao. Vì vậy trong chăn nuôi, cần đặt từng giống loài vào điều kiện khí hậu thích hợp, hoặc đưa vào những khu vực có khí hậu mát mẻ thích nghi, hoặc tạo điều kiện chuồng trại, nuôi dưỡng... bảo đảm cho súc vật phát triển bình thường, có hiệu quả kinh tế, đồng thời tiến hành việc lai tạo với những giống địa phương đã thích ứng lâu đời.

2. Đặc điểm đất đai :

Ở nước ta có ba loại vùng với hình thái đất đai khác nhau rất rõ :

a) Các vùng đồng bằng phù sa : phần nhiều làm ruộng lúa và đất màu, với quá trình chủ yếu là rửa trôi, thấm xuống, gây ra hiện tượng gley (gley) khi có mực nước ngầm cao.

Một hướng sử dụng đáng chú ý cho những vùng bãi ngoài đê hằng năm thường ngập lụt là tiến dần đến những phương thức luân canh cây hằng năm, như trồng ngô, đỗ tương trước và sau vụ lụt để giải quyết lương thực và phát triển chăn nuôi, đưa dần những cây như đậu, mía, dâu tằm vào phía trong đê cho dễ thoát nước trong mùa lụt.

b) Các vùng đồi gò và bậc thềm có độ cao dưới 100 m, bao gồm một dải rộng lớn từ trung du Bắc-bộ đến chân Trường-sơn và cao nguyên Nam Trung-bộ, phần nhiều là đất cấu tạo tại chỗ, với diễn biến chủ yếu là quá trình latêrit hóa trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa.

c) Các vùng đất thung lũng chia cắt sâu, sườn dốc đứng, ở miền núi, với quá trình chủ yếu là xói mòn do nước. Ở đây có ba kiểu đất :

— đất sườn dốc : thường là tầng mỏng, bị xói mòn mạnh trong mùa mưa ;

— đất chân dốc : tích tụ đất màu và thường xuyên có độ ẩm, phẫu diện không phân hóa rõ thành nhiều tầng; cây hoang, cỏ dại thường mọc mạnh ở đây; những cây như trâu trồng ở đây rất tốt ;

— đất phù sa thấp ở ven sông suối, dưới đáy thung lũng ; khi thành phần cát vừa phải thì thường là đất phì nhiêu, được khai thác làm ruộng, trồng màu (đất nà, đất lũng).

Sử dụng đúng đắn đất đồi núi, chiếm trên 3/4 diện tích đất nước ta, là một vấn đề lớn phải giải quyết trong nghiên cứu phân vùng.

Đây là một yêu cầu bức thiết, để mở rộng diện tích canh tác hiện nay đã quá ít mà ngày càng thu hẹp, nhưng lại phải giải quyết rất thận trọng, không thể làm theo lối « bóc ngắn cắn dài » di hại lớn về sau. Nhiều nước có đồi núi nhiều đã dành khá nhiều công phu để nghiên cứu phương hướng phát triển kinh tế như Nhật-bản, Na-uy, Thụy-sĩ, Libăng, Bungari và một số nước cộng hòa Trung Á của Liên-xô. Kinh nghiệm chung là phải rất coi trọng việc giữ rừng, kinh doanh rừng hợp lý, đồng thời phân hạng đất đai theo những chỉ tiêu thực tiễn về tầng đất, chất đất, độ dốc, tình trạng xói mòn và che phủ, để phân bố đúng đắn cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp.

Về giữ rừng và kinh doanh rừng, ít ra cũng phải phân làm ba loại:

— Rừng bảo vệ, ở những nơi nhất thiết cần khoanh núi nuôi rừng để giữ nguồn nước, giữ đất màu, chống xói mòn, sụt lở trên đất dốc.

— Rừng kinh doanh sản xuất, do Nhà nước hay do địa phương, xí nghiệp lâm, trên đất dành cho lâm nghiệp.

— Rừng khai thác có hướng dẫn trên đất nông nghiệp sẽ chuyển dần cho trồng trọt, chăn nuôi.

Tỉ lệ che phủ chung ở các nước nóng ẩm. cần hệ số chia cắt cao, thường phải từ 30% trở lên. Trong việc phân hạng đất đai, cần có phân hạng chung trong cả nước và phân hạng tỉ mỉ ở từng huyện, xã, và cơ sở sản xuất theo nguyên tắc:

— những loại đất tầng mỏng, dốc nhiều, đã bị xói mòn vừa hay nặng, không nên đưa vào canh tác thường xuyên, mà nên khoanh núi nuôi rừng;

— những loại đất tầng dày hơn, dốc ít hơn, ít bị xói mòn hơn, có thể dùng vào nông nghiệp nhưng phải tùy khả năng bị xói mòn nhiều hay ít mà dùng vào việc trồng cây lâu năm, cây hằng năm, hay làm đồng cỏ chăn nuôi.

Nói chung các loại đất đồi núi, trừ những đất bậc thềm hay chân đồi tương đối dày và bằng phẳng, không nên trồng cây hằng năm, vì các loại cây này tiêu hao một lượng lớn chất màu rút ra mỗi vụ từ một tầng đất mặt chỉ dày 15—25 cm, và do thường xuyên xói xáo, đất ít bị che phủ dễ bị rửa trôi, xói mòn. Trồng cây lâu năm sẽ sử dụng được hợp lý hơn độ phì nhiêu của đất đồi núi, vì bộ rễ phát triển của cây lâu năm sẽ sử dụng được một khối lượng đất lớn hơn, sâu hơn, lượng

màu mỡ bị tiêu hao hằng năm ít hơn, và có thể bù lại một phần do lá rụng và hoa màu thu hoạch, do cây phủ đất và phân xanh trồng xen giữa các hàng cây.

Phương hướng sử dụng làm đồng cỏ chăn nuôi cũng có thể thực hiện được ở đất ít dốc, nhưng phải trồng cỏ thâm canh, để khắc phục mấy khó khăn của miền nhiệt đới ẩm là:

— Cỏ mọc nhanh, nhưng chóng già, nhiều xơ hơn ở ôn đới;

— Thực bì tự nhiên là rừng, đất không còn rừng thường là đất kiệt màu, chỉ những thứ cỏ ít giá trị và ưa sáng như cỏ tranh, cỏ đề... mới mọc được.

Đó là mấy đặc điểm sơ lược về tự nhiên trong điều kiện kinh tế xã hội của nước ta: chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cơ sở sản xuất chung chưa ổn định, do cuộc đấu tranh để thống nhất đất nước còn đang tiếp diễn.

II. XÁC ĐỊNH NHỮNG CÂY, CON CHÍNH CẦN PHÂN VÙNG

(để giải quyết các vấn đề ăn, mặc, xuất khẩu)

Việc này không thể làm rập khuôn theo một số nước khác, mà phải căn cứ trên công tác điều tra, nghiên cứu nhu cầu thực tế của con người Việt-nam ở các lứa tuổi, các loại lao động, căn cứ vào điều kiện sản xuất của ta, và hướng phát triển xã hội mà ta muốn xây dựng. Việc này còn cần phải có sự tham gia của nhiều ngành: kinh tế, vệ sinh, công nghiệp, nông nghiệp...

Nhưng cho đến nay, có thể nêu ra vài ý kiến nhận xét như sau:

1. Để giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm:

a) Về mặt tính toán nhu cầu, chúng ta phải có những phương pháp tốt hơn là cách tính dựa vào số lượng calo và nhu cầu protit, lí-pít... của một số nước Âu Mỹ. Có lẽ phải kết hợp cả cách tính calo và trọng lượng các chất cần cho cơ thể người Việt-nam theo điều tra thực nghiệm. Lại phải nghiệm lại những qui luật dinh dưỡng chung như: ở xứ nóng, mùa nóng, lượng calo và protit có thể bớt đi (bớt khoảng 10 calo cho mỗi kilôgam thể trọng); ở xứ nóng, uống nước nhiều, lượng vitamin cần nhiều hơn để bù lại số lượng bị cuốn trôi. Trong nhu cầu và cách ăn, còn phải tính đến điều kiện, thói quen khẩu vị từng vùng, hết sức chú trọng công nghiệp chế biến, bảo quản.

b) Về mặt phương hướng sản xuất, nhìn chung trong cả nước thì lúa gạo vẫn là lương thực chính, nhưng cũng có những vùng ăn nhiều ngô, khoai, sắn hơn. Và để bổ sung chất đạm, chất béo, muối khoáng và vitamin... cần tăng nhiều những thức ăn có điều kiện sản xuất trong nước nhiều hơn như thịt lợn, vịt (lấy trứng và lấy thịt), cá biển và cá nước ngọt, các loại rau, quả (chuối cần được chú trọng vì là thức ăn dễ tiêu, hợp vệ sinh, và no bụng). Sữa, trứng gà... và các loại thịt, đó là những thức ăn quý cần phát triển dần theo khả năng phát triển trâu bò, gia cầm (tùy thuộc vào khả năng trồng cỏ, cây thức ăn và ngũ cốc, bột cá, bột đậu tương...), bước đầu chỉ có thể giải quyết cho một số vùng có điều kiện, cho các tầng lớp trẻ em và người lao động cần bồi dưỡng.

2. Để giải quyết vấn đề mặc:

Vấn đề sản xuất bông không nên bỏ qua khi ta có những vùng tương đối thích hợp, như ở miền Nam và ở một phần miền Bắc, mặc dù ta phải tích cực chuẩn bị cơ sở nguyên liệu (phí lao, bồ đề, bạch đàn... với giống loài thích hợp) để sản xuất sợi nhân tạo và một phần sợi tổng hợp, để pha với bông là thứ sợi hiện nay vẫn thích hợp nhất ở một nước nóng ẩm, lại một phần có mùa đông lạnh như nước ta.

3. Để giải quyết vấn đề xuất khẩu:

Cần nghiên cứu nhiều mặt nhưng có lẽ nên dành ưu tiên trong bước đi ban đầu cho những thứ ta có điều kiện sản xuất tốt, nhanh, rẻ, yêu cầu thị trường rõ ràng, ổn định và không đòi hỏi chất lượng quá cao đối với ta, đồng thời cũng đáp ứng một phần nhu cầu trong nước.

Chè, lạc, các loại dầu tinh (sả, hồi, quế...), thịt lợn, lông và trứng vịt, một số loại cá, tôm... sau đó là chuối, dứa, cam, chanh, dứa, cói... có thể là những thứ hàng cần tính toán kĩ để đặt vị trí ưu tiên loại I, loại II cho đúng.

III. PHÂN VÙNG CỤ THỂ CHO TỪNG CÂY, CON

Việc này phải được các viện cây trồng và chăn nuôi cũng như các viện lâm nghiệp quan tâm và tham gia trước tiên, vì đây là tiền đề cho các việc nghiên cứu khác về giống và về kĩ thuật.

Công việc nghiên cứu phải được tiến hành theo một phương pháp nhất định:

1. Bắt đầu từ phân vùng theo điều kiện khí

hậu nông nghiệp. lâm nghiệp: căn cứ vào những chỉ tiêu khí hậu chủ yếu ảnh hưởng đến các thời kì khản yếu của cây trồng (như gieo hạt, ra hoa, kết quả...) theo từng loại giống, căn cứ vào các số liệu khí hậu lâu năm, mà xác định cho mỗi cây ở 4 vùng: — vùng thích hợp nhất; — vùng thích hợp; — vùng ít thích hợp; — vùng không thích hợp.

2. Phân vùng theo điều kiện thổ nhưỡng: căn cứ vào thành phần chất dinh dưỡng, thành phần cơ giới, và phản ứng của dung dịch đất.

3. Lên bản đồ phân vùng từng loại cây theo điều kiện khí hậu — đất đai: vùng thích hợp nhất tô màu xanh đậm; vùng thích hợp tô màu xanh nhạt; vùng ít thích hợp tô màu nâu; vùng không thích hợp tô màu vàng.

4. Phân vùng theo điều kiện kinh tế: dựa vào thống kê năng suất qua nhiều năm, tính toán điều kiện lao động và tiêu thụ, chế biến..., phân loại những vùng thích hợp và không thích hợp.

Sau khi nghiên cứu phối hợp ở trung ương và địa phương, ủy ban phân vùng có thể có kiến nghị thay đổi ngay những trường hợp rõ ràng là bất hợp lí, như đình chỉ sản xuất ở những vùng phân tán và thiếu điều kiện, đóng cửa nhà máy chế biến quá xa cơ sở nguyên liệu v.v...

Ví dụ về việc vận dụng chỉ tiêu:

— Đối với lúa: về đất đai, chú ý thành phần sét trong đất, về độ dốc để tránh phát triển lúa ở những đất không giữ được nước, hoặc phải san quá nhiều. Về khí hậu, đối với vùng làm hai vụ lúa ổn định, lấy số ngày sinh trưởng kể từ ngày chớm có ôn độ bình quân 12°C liên tục trong ba ngày đến ngày bắt đầu có ôn độ bình quân 23°C liên tiếp trong ba ngày (thích hợp cho lúa trổ), tổng số ngày đó là 210 ngày, tích ôn 4800°C làm ranh giới.

— Đối với bông: vùng thích hợp là vùng đạt chỉ tiêu về tổng số nhiệt độ, số ngày mưa trong vụ thu hoạch ít hơn 16 ngày, và cứ 10 năm thì số năm có độ ẩm trung bình cao không thuận lợi cho việc hái bông nhiều nhất là hai năm. Đất chủ yếu là đất đen, đất vùng châu thổ, thuộc loại cát pha, giữ ẩm, nhiều màu, gần trung tính, tích ôn cao.

— Đối với chè: căn cứ vào độ ẩm, ôn độ trung bình và cao nhất, thấp nhất, căn cứ vào độ cao, và chất đất, mà định vùng thích hợp nhất, vùng ít thích hợp...

Như vùng Blao ở Tây-nguyên nước ta, có lẽ là nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho chè về phương diện khí hậu và độ cao: cao 800—